ĐỀ ÔN TẬP

Bài 1. Hãy điền các cặp hình ảnh với ý nghĩa đúng của nó:

1.	a. Lion
2.	b. Zebra
3.	c. Monkey
4.	d. Tiger

Câu trả lời:

1 -	2 -	3 -	4 -

LIVEWORKSHEETS

Bài 2. Chọn đáp án đúng:

1. Từ nào dưới đây có nghĩa là "củ khoai tây"?

A. Carrot

B. Potato

C. Tomato

D. Cabbage

2. Nghĩa tiếng Việt của từ "pumpkin" là gì?

A. Quả bí ngô

B. Củ cà rốt

C. Quả dưa chuột

D. Củ tỏi

3. Từ nào dưới đây có nghĩa là "củ cà rốt"?

A. Potato

B. Carrot

C. Onion

D. Garlic

4. Nghĩa tiếng Việt của từ "cabbage" là gì?

A. Rau xà lách

B. Bắp cải

C. Đậu cô ve

D. Bắp ngô

5. Từ nào dưới đây có nghĩa là "củ tỏi"?

A. Garlic

B. Onion

C. Potato

LIVEWORKSHEETS

D. Tomato

6. Nghĩa tiếng Việt của từ "cucumber" là gì?

A. Quả cà chua

B. Quả dưa chuột

C. Quả bí ngô

D. Củ khoai tây

7. Từ nào dưới đây chỉ "hành tây"?

A. Carrot

B. Garlic

C. Onion

D. Cabbage

Bài 3. Hãy viết nghĩa tiếng Việt của các từ sau:

1. strawberry:
2. lemon:
3. peach:
4. watermelon:
5. banana:
6. pineapple:

Bài 4: Chọn đáp án đúng:

1. He _____ have breakfast this morning.

A. don’t

B. doesn’t

2. The monkeys and the zebra _____ friends.

LIVEWORKSHEETS

A. is

B. are

3. A: Does she study English?
B: Yes, she _____

A. don't

B. does

C. doesn't

C. do

4. The mice _____ in the living room.

A. is

B. are

C. am

5. The lemon is _____.

A. sour

B. sweet

6. Từ nào có nghĩa là "như thế nào"

A. What

B. When

C. Who

D. How

LIVEWORKSHEETS